

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH
Tuần 23 (07/6/2021-11/6/2021)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

- Theo Worldbank: WB nâng mức dự báo tăng trưởng toàn cầu lên 5,6%
- Theo Reuters/Bloomberg: CPI tháng 5/2021 của Mỹ tăng mạnh nhất trong vòng 13 năm qua;
- Theo Tổng Cục Thống kê Trung Quốc: PPI tăng mạnh;
- Theo ft.com: Ủy ban Basel về Giám sát Ngân hàng (BCBS) nhận định tăng trưởng tiền điện tử làm tăng rủi ro cho các ngân hàng;
- Theo kico/opec/Bloomberg: Diễn biến giá dầu, vàng và USD trong tuần: USD Index giảm xuống dưới 90 điểm; Giá vàng giảm; Giá dầu lên cao nhất kể từ tháng 5/2019;
- Theo ECB: Nâng cả dự báo GDP và lạm phát năm 2021 của EUROZONE.

Kinh tế - tài chính Việt Nam

- Theo WB: tăng trưởng kinh tế Việt Nam và xuất khẩu triển vọng nhất trong khu vực;
- Theo BTC: Giải ngân đầu tư công quá chậm;
- Theo Báo cáo đánh giá bán niên của MSCI tháng 6/2021: HOSE chịu ảnh hưởng mạnh bởi tình trạng quá tải.

MỘT SỐ THÔNG TIN DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. Diễn biến thị trường tài chính – tiền tệ tuần 23 (07/6/2021-11/6/2021)

Thị trường tiền tệ

Thị trường liên ngân hàng

| Thời hạn | 10/6/2021 | %+/- 1W | %+/- M | %+/-Y |
|----------|-----------|------------|-----------|-------|
| Qua đêm | 1.01 | -0.38 | -0.53 | 0.88 |
| 1 Tuần | 1.18 | -0.33 | -0.41 | 0.68 |
| 2 Tuần | 1.54 | -0.28 | -0.19 | 1.19 |
| 1 Tháng | 1.53 | -0.16 | -0.22 | 0.38 |
| 3 Tháng | 1.54 | -1.23 | -0.63 | -0.32 |
| 6 Tháng | 3.04 | 0.04 | 0.74 | 0.25 |
| 9 Tháng* | 3.13 | 0.25 | -0.39 | 0.63 |

Ghi chú: (*) Tham chiếu doanh số và lãi suất ngày 09/6/2021

Nguồn: NHNN

Thị trường mở

| Ngày giao dịch | Kỳ hạn (ngày) | Lãi suất (%) | Khối lượng gói thầu (tỷ đồng) | Số thành viên tham gia/trúng thầu | Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng) | Lãi suất trúng thầu (%/năm) |
|------------------|---------------|--------------|-------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------|
| 07/6/2021 | 7 | 2,5 | 1.000 | 1/1 | 1,08 | 2,5 |
| 08/6/2021 | 7 | 2,5 | 1.000 | 0/0 | 0 | 0 |
| 09/6/2021 | 7 | 2,5 | 1.000 | 0/0 | 0 | 0 |
| 10/6/2021 | 7 | 2,5 | 1.000 | 0/0 | 0 | 0 |
| 11/6/2021 | 7 | 2,5 | 1.000 | 0/0 | 0 | 0 |
| Tổng cộng | | | 5.000 | | 1,08 | 2,5 |

Nguồn: NHNN

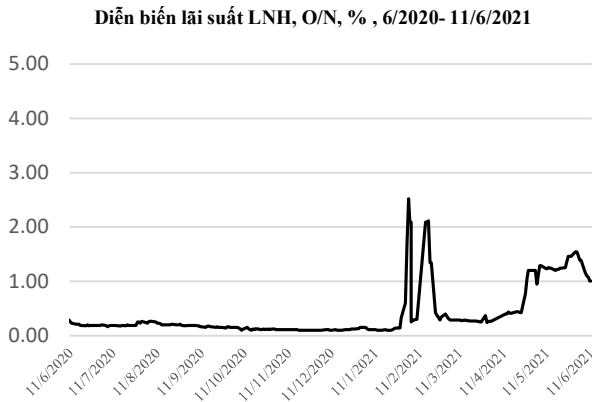
Thị trường trái phiếu chính phủ

| Phát hành TPCP | | Tuần 23 | | Lũy kế năm 2021 | |
|---------------------|-----------------------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
| 1 | Tổng giá trị gọi thầu (tỷ đồng) | 12.500 | | 181.250 | |
| 2 | Tổng giá trị đăng ký (tỷ đồng) | 26.221 | | 481.409 | |
| 3 | Tổng giá trị trúng thầu (tỷ đồng) | 8.770 | | 132.250 | |
| 4 | Tỷ lệ đăng ký (lần) | 2,1 | | 2,7 | |
| 5 | Tỷ lệ trúng thầu (%) | 70% | | 73% | |
| Chi tiết đặt thầu | | Giá trị (tỷ VNĐ) | Lãi suất (%) | Giá trị (tỷ VNĐ) | Lãi suất (%) |
| 1 | 5 Năm | | | 46.877 | 0,95 - 1,6 |
| 2 | 7 Năm | | | 11.375 | 1,35 - 2,6 |
| 3 | 10 Năm | 7.000 | 2,18 - 2,5 | 242.700 | 2,1 - 3,3 |
| 4 | 15 Năm | 4.000 | 2,44 - 2,55 | 142.928 | 2,3 - 3 |
| 5 | 20 Năm | | | 15.435 | 2,8 - 3,5 |
| 6 | 30 Năm | 1.500 | 3,04 - 3,6 | 22.094 | 2,96 - 3,9 |
| Chi tiết trúng thầu | | Giá trị (tỷ VNĐ) | Giá trị (tỷ VNĐ) | Lãi suất (%) | Giá trị (tỷ VNĐ) |
| 1 | 5 Năm | | | | 12.769 |
| 2 | 7 Năm | | | | 2.531 |
| 3 | 10 Năm | 5.800 | 2,21 - 2,21 | | 69.286 |
| 4 | 15 Năm | 2.450 | 2,46 - 2,46 | | 36.541 |
| 5 | 20 Năm | | | | 3.440 |
| 6 | 30 Năm | 520 | 3,05 - 3,05 | | 7.683 |

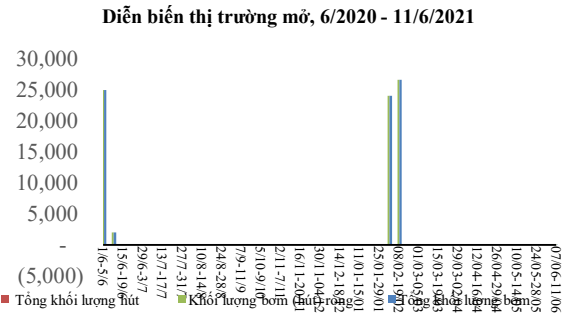
Nguồn: HSX

II. Diễn biến thị trường tài chính – tiền tệ

Diễn biến thị trường tiền tệ

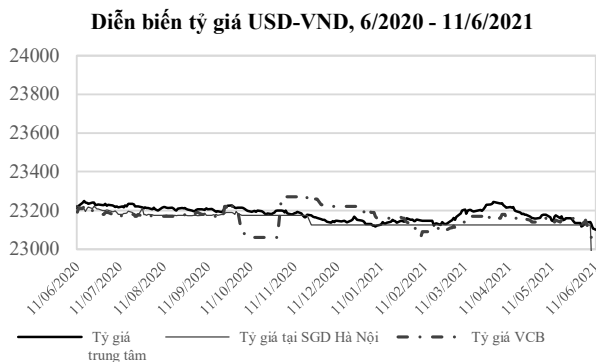


Nguồn: NHNN

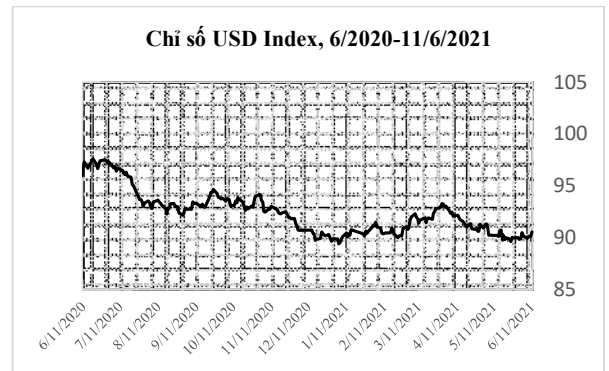


Nguồn: NHNN

Thị trường ngoại hối

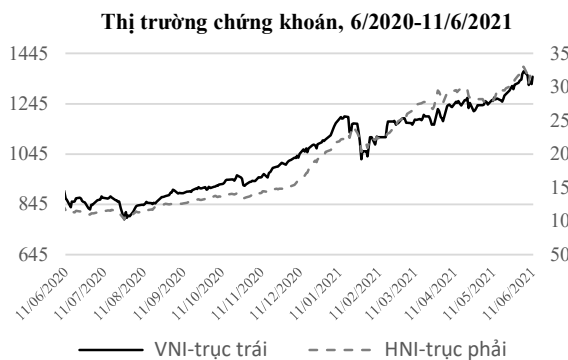


Nguồn: NHNN: (*) Kỳ hạn 6 tháng; (**) Tham khảo VCB

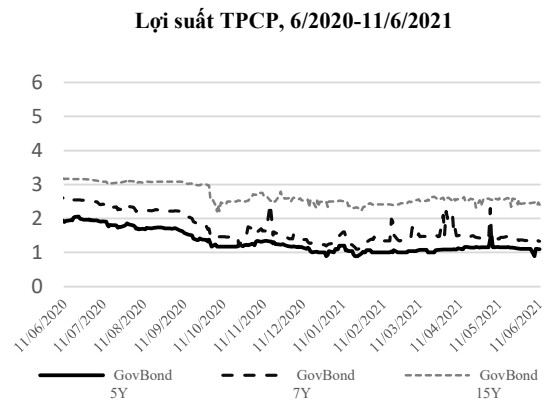


Nguồn: Trading economics

Thị trường chứng khoán và TPCP



Nguồn: HNX, HSX



Nguồn: HNX

A. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. Kinh tế - thương mại – đầu tư

WB: Nâng mức dự báo tăng trưởng toàn cầu lên 5,6%

Trong báo cáo Triển vọng Kinh tế Toàn cầu (GEP) mới nhất, WB cho biết, nhờ đà phục hồi mạnh mẽ và tốc độ tiêm vaccine ngừa COVID-19 ở các nước phát triển, nền kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng 5,6% trong năm 2021, cao hơn 1,5 điểm% so với dự báo tháng 1/2021 - đây là tốc độ phục hồi hậu suy thoái nhanh nhất trong 80 năm trở lại đây.

Tuy nhiên, WB cảnh báo rằng nhiều nước, đặc biệt là các nước nghèo, đang bị bỏ lại đằng sau và sẽ mất nhiều năm để trở lại mức tăng trưởng trước khi bùng phát dịch.

WB cũng dự báo tăng trưởng giảm khoảng 40% tại các thị trường đang nổi và các quốc gia đang phát triển, và nêu loại trừ nền kinh tế lớn thứ hai thế giới là Trung Quốc đang hồi phục mạnh, thì các nước này sẽ chỉ tăng trưởng 4,4%.

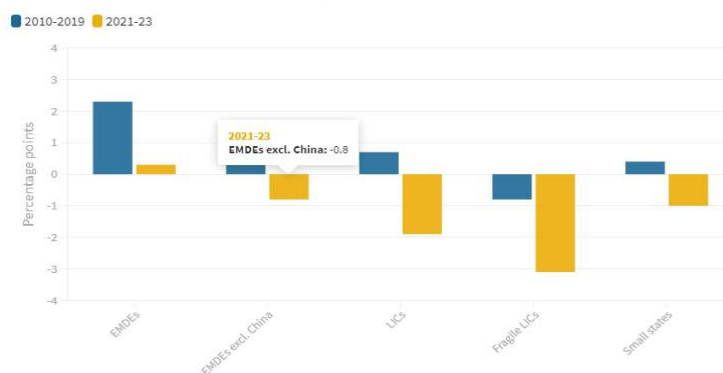
Báo cáo cũng giảm dự báo đối với các nước có thu nhập thấp trong năm nay và năm 2022 với kỳ vọng chỉ tăng trưởng 2,9%, mức thấp nhất trong 2 thập kỷ nếu không tính năm 2020.

Nguồn: worldbank

Mỹ: CPI tháng 5/2021 tăng mạnh nhất trong vòng 13 năm qua

Theo số liệu công bố ngày 10/06/2021: Tháng 5/2021, chỉ số giá CPI của Mỹ tăng 5% so với cùng kỳ; CPI lõi - loại trừ giá thực phẩm và năng lượng - tăng 3.8% so với cùng kỳ. Đây là mức tăng CPI mạnh nhất kể từ tháng 8/2008, trước khi cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 diễn ra.

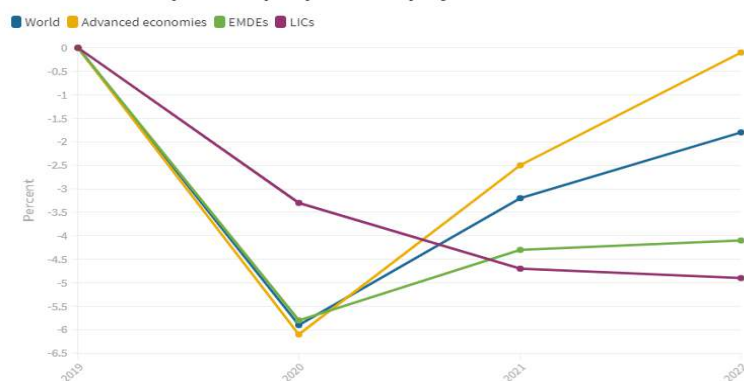
Per capita income growth relative to advanced economies



Source: World Bank

Note: EMDEs = emerging market and developing economies; LICs = low-income countries; Fragile LICs = fragile and conflict-affected LICs. Relative per capita income growth is computed as a difference in per capita GDP growth between respective EMDE groups and advanced economies. For more information on "Small states," see:

Deviation of output from pre-pandemic projections



Source: World Bank

Note: EMDEs = emerging market and developing economies; LICs = low-income countries. Aggregates are calculated using real U.S. dollar GDP weights at average 2010-19 prices and market exchange rates. Figure shows percent deviation between the levels of June 2021 and January 2020 baseline World Bank projections. Shaded area indicates forecasts.

Price Pressures Heat Up

U.S. core and headline inflation both increased more than forecast in May

■ Core CPI, excluding food & energy (MoM, SA) / CPI (MoM, SA)



* Median estimate for both = +0.5%

Source: Bureau of Labor Statistics, Bloomberg survey

Nguồn: Reuters/Bloomberg

Trung Quốc: PPI tăng mạnh

Theo Báo cáo ngày 9/6/2021 của Tổng cục Thống kê Trung Quốc: Chỉ số CPI tháng 5/2021 tăng 1,3% Y.o.Y, giảm 0,2% M.o.M. Trong 5 tháng đầu năm, CPI của Trung Quốc tăng 0,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong khi đó, Chỉ số giá nhà sản xuất (PPI) tháng 5 của Trung Quốc tăng 9% so với cùng kỳ năm ngoái, mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 9/2008. Không chỉ vượt xa mức tăng 6,8% ghi nhận trong tháng 4.

PPI Trung Quốc tăng mạnh tháng 5/2021 chủ yếu do sự tăng giá dầu thô, quặng sắt, thép và các kim loại khác.

Diễn biến giá dầu, vàng và USD trong tuần:

USD Index giảm xuống dưới 90 điểm

USD-Index ngày 11/06 (13h00) ở mức 89.98 điểm, giảm 0.7% so với cuối tuần trước 04/06. Giá USD trên thị trường quốc tế suy yếu khi Mỹ công bố lạm phát cao hơn kỳ vọng, cao nhất trong hơn một thập kỷ qua.

Giá vàng giảm

Kết thúc phiên giao dịch ngày 11/6/2021, hợp đồng vàng giao ngay giảm 1.2% xuống 1,875.31 USD/oz. Hợp đồng vàng tương lai giảm 0.9% còn 1,879.6 USD/oz.

Giá dầu Brent tăng 1% so với cuối tuần trước, lên cao nhất kể từ tháng 5/2019

Kết thúc phiên giao dịch 11/6/2021, hợp đồng dầu Brent tăng 17 xu lên 72.69 USD/thùng, mức cao nhất kể từ tháng 5/2019. Tuần qua, hợp đồng này đã tăng 1%.

II. Thị trường tài chính – tiền tệ

Nghân hàng trung ương các nước:

ECB: nâng cả dự báo GDP và Lạm phát 2021 của EUROZONE.

Ngày 10/6/2021, ECB công bố dự báo mới nhất của khu vực eurozone, với lạm phát được điều chỉnh tăng là 1,9% cho năm nay và 1,5% trong năm tới.

Consumer Prices in May



Nguồn: Tổng Cục Thống kê Trung Quốc

Table 4 - 2: World oil demand in 2021*, mb/d

| World oil demand | 2020 | 1Q21 | 2Q21 | 3Q21 | 4Q21 | 2021 | Change 2021/20 | |
|-----------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|----------------|-------------|
| | | | | | | | Growth | % |
| Americas | 22.56 | 23.21 | 24.58 | 24.74 | 24.75 | 24.33 | 1.77 | 7.84 |
| of which US | 18.44 | 19.15 | 19.96 | 20.24 | 20.45 | 19.96 | 1.51 | 8.21 |
| Europe | 12.43 | 11.96 | 12.78 | 13.61 | 13.71 | 13.02 | 0.59 | 4.73 |
| Asia Pacific | 7.07 | 7.61 | 7.18 | 7.17 | 7.51 | 7.37 | 0.30 | 4.23 |
| Total OECD | 42.07 | 42.77 | 44.54 | 45.52 | 45.97 | 44.72 | 2.65 | 6.31 |
| China | 13.19 | 12.95 | 14.27 | 14.93 | 15.05 | 14.30 | 1.11 | 8.43 |
| India | 4.51 | 4.94 | 4.52 | 4.91 | 5.61 | 5.00 | 0.49 | 10.82 |
| Other Asia | 8.13 | 8.34 | 8.96 | 8.57 | 8.59 | 8.62 | 0.48 | 5.96 |
| Latin America | 6.01 | 6.15 | 6.16 | 6.46 | 6.40 | 6.29 | 0.28 | 4.68 |
| Middle East | 7.55 | 7.92 | 7.67 | 8.24 | 7.97 | 7.95 | 0.41 | 5.41 |
| Africa | 4.08 | 4.39 | 3.96 | 4.16 | 4.48 | 4.25 | 0.16 | 4.03 |
| Russia | 3.37 | 3.57 | 3.37 | 3.57 | 3.74 | 3.56 | 0.19 | 5.77 |
| Other Eurasia | 1.07 | 1.18 | 1.19 | 1.14 | 1.28 | 1.20 | 0.12 | 11.43 |
| Other Europe | 0.65 | 0.71 | 0.62 | 0.68 | 0.74 | 0.69 | 0.04 | 6.36 |
| Total Non-OECD | 48.56 | 50.16 | 50.72 | 52.65 | 53.85 | 51.86 | 3.30 | 6.79 |
| Total World | 90.63 | 92.93 | 95.26 | 98.18 | 99.82 | 96.58 | 5.95 | 6.57 |
| Previous Estimate | 90.51 | 93.29 | 94.79 | 97.90 | 99.74 | 96.46 | 5.95 | 6.58 |
| Revision | 0.12 | -0.36 | 0.47 | 0.28 | 0.08 | 0.12 | 0.00 | -0.01 |

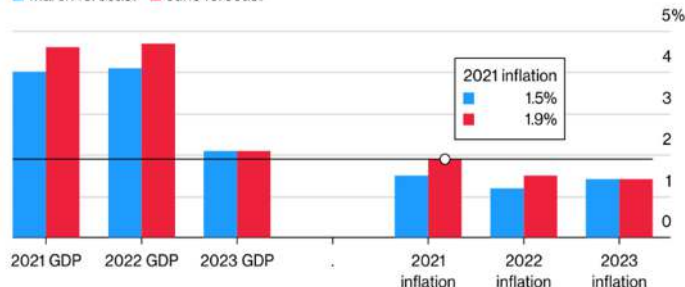
Note: * 2021 = Forecast. Totals may not add up due to independent rounding. Source: OPEC.

Nguồn: kico/opec/bloomberg

New ECB Forecasts

Economic output and inflation predictions boosted for 2021 and 2022

■ March forecast ■ June forecast



Source: European Central Bank

Macroeconomic projections for the euro area (yoy)

Lạm phát tại Eurozone chạm gần mức 2% trong tháng Năm, gần mức mục tiêu mà ECB đặt ra, đạt mức cao nhất trong gần 3 năm qua.

Mức tăng trưởng kinh tế cũng được điều chỉnh lên mạnh hơn lên 4,6% so với mức 4% của lần dự báo trước.

Nguồn: ecb

| | June 2021 | | | March 2021 | | |
|--|-----------|------------|------|------------|-------------|------|
| | 2020 | 2021 | 2022 | 2020 | 2021 | 2022 |
| Real GDP | -6.8 | 4.6 | 4.7 | -6.9 | 4.0 | 4.1 |
| Private consumption | -8.0 | 2.9 | 7.0 | -8.0 | 3.0 | 5.9 |
| Government consumption | 1.4 | 3.4 | -0.8 | 1.0 | 2.9 | 0.1 |
| Gross fixed capital formation | -8.2 | 7.3 | 5.5 | -8.4 | 5.5 | 5.9 |
| Exports | -9.8 | 9.0 | 6.5 | -10.5 | 7.5 | 5.5 |
| Imports | -9.3 | 8.3 | 7.0 | -10.0 | 6.6 | 6.4 |
| Employment | -1.6 | 0.3 | 1.2 | -1.7 | -0.2 | 1.3 |
| Unemployment rate (% of labour force) | 7.8 | 8.2 | 7.9 | 7.8 | 8.6 | 8.1 |
| HICP (Harmonised Index of Consumer Price) | 0.3 | 1.9 | 1.5 | 0.3 | 1.5 | 1.2 |

Ủy ban Basel về Giám sát Ngân hàng (BCBS): Tăng trưởng tiền điện tử làm tăng rủi ro cho các ngân hàng

Trong báo cáo ngày 10/6/2021, BCBS nêu "sự tăng trưởng của tài sản tiền điện tử và các dịch vụ liên quan có khả năng gây ra lo ngại về ổn định tài chính và tăng rủi ro mà các ngân hàng phải đối mặt". Trong đó, có những rủi ro bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, gian lận, hack, rửa tiền và rủi ro tài trợ khủng bố...

Khuyến nghị các đồng tiền kỹ thuật số như Bitcoin và Ethereum sẽ phải đối mặt với một chế độ bảo mật mới mang tính thận trọng hơn.

BCBS cho rằng các yêu cầu đối với việc nắm giữ Bitcoin và các tiền điện tử tương tự phải cao hơn nhiều so với các yêu cầu đối với cổ phiếu và trái phiếu thông thường. Các ngân hàng tiếp xúc với tiền điện tử dễ bay hơi sẽ phải đối mặt với các yêu cầu vốn khắt khe hơn để phản ánh rủi ro cao hơn. BCBS đề xuất trọng số rủi ro (risk weighted) của các đồng tiền kỹ thuật số này là 1.250% - mức phù hợp với các tiêu chuẩn khắt khe nhất đối với mức độ rủi ro của các ngân hàng đối với các tài sản rủi ro hơn. Điều đó có nghĩa là các ngân hàng trên thực tế sẽ phải nắm giữ vốn bằng với mức rủi ro mà họ phải đối mặt và chuẩn bị sẵn sàng nếu giá trị của tài sản trở thành vô giá trị.

Nguồn: ft.com

B. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

I. Kinh tế vĩ mô

WB đánh giá kinh tế Việt Nam: Tăng trưởng kinh tế và xuất khẩu triển vọng nhất trong khu vực

WB đánh giá:

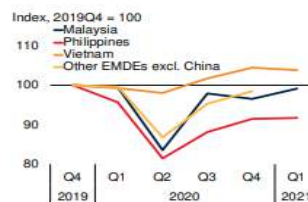
GDP Việt Nam dự kiến sẽ tăng trung bình 6,6% vào năm 2021 và 2022, phục hồi về gần bằng mức tăng trưởng trước đại dịch.

Hoạt động sản xuất công nghiệp trong tháng 5 cho thấy khả năng chống chịu cao với tốc độ tăng trưởng 1,6% (so với tháng trước), nhưng doanh số bán lẻ giảm 3,1% do tác động của giãn cách xã hội và các cửa hàng phải đóng cửa.

Vị thế kinh tế đối ngoại của Việt Nam giảm nhẹ trong tháng 5 do kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và cam kết vốn FDI giảm lần lượt 6,7% và 20% so với tháng 4.

Tuy nhiên, trong 5 tháng đầu năm, giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa vẫn đạt mức cao nhất mà Việt Nam từng ghi nhận, lần lượt tăng 29,1% và 35,4% so với cùng kỳ năm 2020.

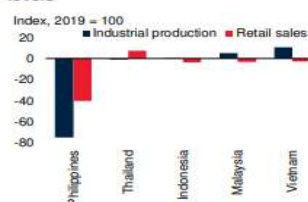
A. GDP



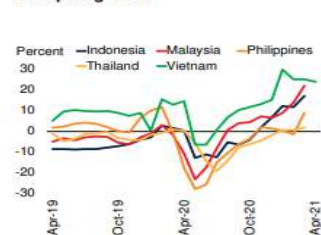
B. Mobility around retail and recreation



C. Industrial production and retail sales: Deviation from pre-pandemic levels



D. Export growth



Sources: Google Maps; Haver Analytics; World Bank.

A. Last observation is 2021Q1 for Malaysia, the Philippines, and Vietnam. Last observation is 2020Q4 for "Other EMDEs excl. China."

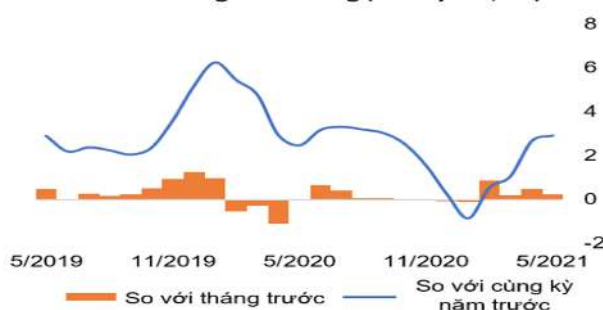
B. 21-day moving average. Mobility refers to changes in visits to (or time spent in) retail and recreation facilities compared to the baseline. The baseline day represents a normal value of visits for that day of the week. Retail and recreation facilities include restaurants, cafes, shopping centers, theme parks, museums, libraries, and movie theaters. Last observation is May 29, 2021.

C. For industrial production, last observation is March 2021 for Malaysia, the Philippines, and Thailand, and April 2021 for Vietnam; Indonesia is an estimate. For retail sales, last observation is March 2021 for Malaysia and Thailand and April 2021 for Indonesia and Vietnam; the Philippines is

Trong thời gian tới, Việt Nam cần đặc biệt quan tâm đến sự phát triển của sản xuất công nghiệp và bán lẻ vì cả hai ngành này đều có thể tiếp tục bị ảnh hưởng bởi đợt bùng phát dịch Covid-19 thứ tư. Xuất khẩu cũng có thể bị tác động do thu hẹp sản xuất ở một số khu công nghiệp.

Nguồn: wb

Hình 7: Chỉ số giá tiêu dùng (% thay đổi, SA)



Đầu tư công: Giải ngân quá chậm

Tính tới ngày 10/6/2021, tỷ lệ giải ngân của các bộ, ngành mới đạt 7,53% so với dự toán được giao. Tình trạng giải ngân vốn đầu tư công nói chung và vốn đầu tư công nguồn vốn nước ngoài chậm đã ảnh hưởng tới việc thực hiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước cũng như nhiệm vụ tài chính ngân sách năm 2021.

Đáng lưu ý có đến 8/13 bộ, ngành đến nay vẫn chưa giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn nước ngoài năm 2021.

Dự báo giai đoạn 2021-2025 nếu giải ngân vốn đầu tư công tăng thêm 1% so với năm trước thì GDP tăng thêm 0,058%. (Bộ KHĐT).

Số liệu giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 nguồn nước ngoài của các bộ, ngành tính đến hết ngày 10/6 là 1.253 tỷ đồng, đạt 7,53% so với dự toán được giao. Trong đó, 5/13 bộ, ngành có giải ngân nhưng số giải ngân tập trung chủ yếu ở hai bộ là Bộ NN&PTNT và Bộ Giao thông vận tải.

Đối với kế hoạch vốn năm 2020, các bộ, ngành vẫn giải ngân vốn đầu tư công nguồn vay nước ngoài theo kế hoạch. Từ 01/01/2021 đến 10/06/2021, tổng số giải ngân theo kế hoạch vốn 2020 của các bộ, ngành là 2.187,7 tỷ đồng (gần gấp đôi số giải ngân theo kế hoạch vốn 2021).

Nguồn: BTC

II. Thị trường tài chính – tiền tệ

1. Thị trường tiền tệ

Thị trường mở OMO trong tuần từ 07/6 - 11/6, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng/phiên, với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Có 1,08 tỷ đồng trúng thầu, như vậy NHNN bơm ròng 1,08 tỷ đồng ra thị trường trong tuần qua.

Lãi suất trên liên ngân hàng tuần giảm nhẹ ở tất cả các kỳ hạn, cụ thể: 1,01%/năm với kỳ hạn O/N (-0,38 đpt); 1,18%/năm với kỳ hạn 1 tuần (-0,33 đpt); 1,54%/năm với kỳ hạn 2 tuần (-0,28 đpt) và 1,53%/năm so với kỳ 1 tháng (-0,16 đpt).

Nguồn: TTTTGS tổng hợp

2. Thị trường ngoại hối

Tỷ giá thị trường ngoại hối: Tỷ giá trung tâm ngày 11/6/2021 giảm 37 đồng so với phiên ngày 04/6, tỷ giá tham khảo VCB giảm 100 đồng so với phiên cuối tuần trước.

- Tỷ giá bán ra tham khảo VCB ngày 11/6/2021 duy trì ở mức 23.050 đồng, giảm 100 đồng so với tỷ giá tham khảo cuối tuần trước với mức 23.150 đồng (ngày 04/6/2021).

- Tỷ giá giao dịch kỳ hạn 6 tháng tại Sở giao dịch Hà Nội giảm 150 đồng so với ngày 04/6 với mức là 22.975 VND/USD.

Nguồn: TTTTGS tổng hợp

3. Thị trường trái phiếu Chính phủ

Thị trường TPCP sơ cấp:

Tuần 23 từ 7/6/2021-11/6/2021, giá trị huy động đạt 8,77/12,5 nghìn tỷ đồng, tỷ lệ trúng thầu đạt 70%, tỷ lệ đăng ký đạt 2,1 lần. Trong đó, kỳ hạn

Trên thị trường thứ cấp: Tuần 23 từ 7/6/2021-11/6/2021, lãi suất giao dịch TPCP (%) chỉ phát sinh ở các kỳ hạn 10, 15, 30 năm.

10 năm huy động 5.800/7.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm huy động 2.450/4.000 tỷ đồng, kỳ hạn 30 năm huy động 520/1.500 tỷ đồng.

Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm tại 2,21%/năm (+0,01%); kỳ hạn 15 năm tại 2,46%/năm (+0,01%) và kỳ hạn 30 năm giữ nguyên tại 3,05%/năm.

Tính từ đầu năm 2021, KBNN đã huy động được 132,25 nghìn tỷ đồng qua hình thức đấu thầu

4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán: Tuần qua Vnindex giảm về quanh mức 1351 điểm. Thanh khoản bình quân giảm nhẹ về gần 33 nghìn tỷ đồng/phiên,

MSCI: HOSE chịu ảnh hưởng mạnh bởi tình trạng quá tải

Trong báo cáo về khả năng tiếp cận thị trường chứng khoán số tháng 6/2021, MSCI cho biết nhiều quy định pháp luật về chứng khoán bắt đầu có hiệu lực tại Việt Nam từ đầu năm 2021 đã đặt tiền đề cho kế hoạch phát triển thị trường. Cụ thể, Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua năm 2019 có hiệu lực từ ngày 1/1/2021, hai sàn giao dịch chứng khoán tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh hiện nay sẽ được tái cấu trúc thành một Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam duy nhất, thành lập Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, triển khai Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết (NVDR) và các mục tiêu phát triển khác có thể giúp cải thiện khả năng tiếp cận thị trường sau khi triển khai.

Từ đầu năm đến nay, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) bị ảnh hưởng bởi tình trạng quá tải hệ thống, "dẫn tới việc xử lý giao dịch gặp nhiều khó khăn trong những ngày có thanh khoản tương đối cao".

Nguồn: Báo cáo đánh giá bán niên của MSCI tháng 6/2021

Nguồn: HNX, HSX

VN-Index ở phiên cuối tuần là 1.351,74 điểm (-22,31 điểm; giảm 1,6%) và HNXIndex đóng cửa ở mức 316,69 điểm (-13,07 điểm; giảm 4%), so với tuần giao dịch trước. Khối ngoại bán ròng gần 730 tỷ đồng trong tuần.

Nguồn: HNX, HSX

Frontier Markets

| | Mauritius | Morocco | Nigeria | Oman | EMEA Romania | Senegal | Serbia | Slovenia | Turkey | Bangladesh | Asia-Pacific Sri Lanka | Vietnam |
|--|-----------|---------|---------|------|-----------------|---------|--------|----------|--------|------------|---------------------------|---------|
| Openness to foreign ownership | | | | | | | | | | | | |
| Investor qualification requirement | ** | ** | ** | ** | ** | ** | ** | ** | ** | ** | * | ** |
| Foreign ownership limit (FOL) level | ** | ** | ** | ? | ** | ** | ** | ** | ** | ** | ** | ? |
| Foreign coin level | ** | ** | ** | ** | ** | ** | ** | ** | ** | ** | ** | ? |
| Equal rights to foreign investors | ** | * | * | * | ** | * | * | * | * | ** | ** | ? |
| Ease of capital inflows / outflows | | | | | | | | | | | | |
| Capital flow restriction level | ** | * | ? | ** | ** | ** | * | ** | ** | * | ** | ** |
| Foreign exchange market liberalization level | ? | * | ? | ** | ** | * | * | ** | * | ? | ? | ? |
| Efficiency of the operational framework | | | | | | | | | | | | |
| Market entry | | | | | | | | | | | | |
| Investor registration & account set up | ** | ** | ** | * | ** | * | ? | ** | ** | ? | ? | * |
| Market regulations | | | | | | | | | | | | |
| Market regulations | ** | * | * | ** | ** | * | * | ** | * | * | ** | * |
| Information flow | ** | * | ? | * | ** | ? | * | ** | ? | ** | ** | ? |
| Market infrastructure | | | | | | | | | | | | |
| Clearing and Settlement | * | ? | ** | * | * | * | * | ** | ? | ? | ? | ? |
| Custody | ** | ** | ** | ? | ** | ** | ** | ** | ? | * | ** | ** |
| Registry / Depository | ** | ** | * | ** | ** | ** | ** | ** | ** | ** | ** | ** |
| Trading | ? | * | ? | ** | ** | ? | * | * | * | ? | ? | ** |
| Transferability | ? | ? | ? | ? | * | ? | * | ** | ? | * | ? | ? |
| Stock lending | ? | ? | ? | ? | ? | ? | ? | ? | ? | ? | ? | ? |
| Short selling | ? | ? | ? | ? | ? | ? | ? | ? | ? | ? | ? | ? |
| Availability of investment instrument | | | | | | | | | | | | |
| Availability of investment instrument | ** | ** | ** | ** | ** | ** | ** | ** | ** | * | * | * |
| Stability of institutional framework | * | * | ? | * | * | * | * | * | * | ? | ? | * |

** no issues - no major issues, improvements possible; ? improvements needed - extent to be assessed; Availability of investment instrument for some Frontier and Standalone Market countries is still being assessed.

MSCI đánh giá cập nhật một số tiêu chí trên TTCK:

- Giới hạn sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài: Doanh nghiệp trong một số ngành và lĩnh vực nhạy cảm (ví dụ như ngân hàng, hàng không, ...) bị kiểm soát chặt về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài. "Thị trường chứng khoán bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi các vấn đề về sở hữu nước ngoài".

- Quyền bình đẳng cho nhà đầu tư ngoại: Một số thông tin liên quan đến doanh nghiệp không có sẵn bản tiếng Anh. Bên cạnh đó, quyền của nhà đầu tư ngoại còn bị ảnh hưởng vì các quy định giới hạn tỷ lệ sở hữu, cả ở cấp độ từng nhà đầu tư riêng lẻ lẫn tổng của khối ngoại.

- Quy định thị trường: Một số văn bản pháp luật không có bản tiếng Anh, gây khó khăn cho nhà đầu tư nước ngoài.

- Dòng thông tin: Thông tin về thị trường chứng khoán không phải lúc nào cũng có bản tiếng Anh và đôi khi không đủ chi tiết.

- Thanh toán và bù trừ: Không cho phép thấu chi và luôn yêu cầu nhà đầu tư phải có tiền trong tài khoản trước khi đặt lệnh.